

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10-43

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoàng Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/04/2018
Bà Đinh Thị Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/04/2018
Bà Bùi Thị Ngọc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/04/2018
Ông Phạm Sỹ Thạc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/09/2018
Ông Nguyễn Văn Khoái	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/04/2018

Ban Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc
---------------------------	---------------

Ban Kiểm soát

Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.


Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc 



Nguyễn Thị Thanh Hương

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 01 năm 2019



Số: 378/BCKT/TC/VN8

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588

Fax: (+84 24) 3868 6248

Web: kiemtoanava.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 01 năm 2019, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam



Nguyễn Bảo Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 0373-2018-126-1

Mai Quang Hiệp
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 1320-2018-126-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		973.554.889.169	1.094.195.689.034
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	24.337.271.891	64.283.124.830
1. Tiền	111		24.337.271.891	63.413.518.764
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	869.606.066
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	10.000.000.000	11.968.540.785
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000.000	11.968.540.785
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		846.822.737.614	856.622.505.313
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	732.715.666.375	471.999.893.863
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	112.327.218.292	348.622.626.433
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	18.675.606.238	39.466.199.367
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(16.895.753.291)	(3.466.214.350)
IV. Hàng tồn kho	140	11	81.237.668.703	144.186.557.651
1. Hàng tồn kho	141		81.237.668.703	144.186.557.651
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.157.210.961	17.134.960.455
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	10.989.395.001	9.055.717.435
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		167.815.960	70.468.417
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	-	8.008.774.603
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		977.003.356.327	935.879.382.514
II. Tài sản cố định	220		344.657.180.234	354.534.767.477
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	255.358.780.153	265.186.839.568
- Nguyên giá	222		305.226.057.043	292.583.445.619
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.867.276.890)	(27.396.606.051)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	89.298.400.081	89.347.927.909
- Nguyên giá	228		89.347.927.909	89.347.927.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(49.527.828)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	12	2.993.965.222	3.140.993.159
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.993.965.222	3.140.993.159
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	330.064.637.803	274.567.309.150
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		107.373.624.546	105.881.626.363
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		234.503.969.597	295.089.294.645
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(11.812.956.340)	(136.478.611.858)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	10.075.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		299.287.573.068	303.636.312.728
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	299.287.573.068	303.636.312.728
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.950.558.245.496	2.030.075.071.548

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.062.442.908.405	1.220.968.234.531
I. Nợ ngắn hạn	310		768.765.123.132	897.293.594.531
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	193.010.747.295	99.969.006.633
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	181.686.420.640	89.695.316.355
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	3.873.963.970	3.548.686.357
4. Phải trả người lao động	314		328.209.559	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	430.663.937	705.621.895
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	122.322.984	27.692.013.301
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	384.364.029.550	670.734.184.793
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.948.765.197	4.948.765.197
II. Nợ dài hạn	330		293.677.785.273	323.674.640.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	289.603.800.000	323.674.640.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		4.073.985.273	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		888.115.337.091	809.106.837.017
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	888.115.337.091	809.106.837.017
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693.299.280.000	693.299.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.761.921.400	9.761.921.400
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		186.277.279.890	109.294.735.617
- LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước	421a		126.972.001.096	86.756.135.489
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		59.305.278.794	22.538.600.128
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.025.955.801	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.950.558.245.496	2.030.075.071.548



Nguyễn Thị Thùy
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MÃ SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	2.186.512.434.406	3.494.784.316.256
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.186.512.434.406	3.494.784.316.256
4. Giá vốn hàng bán	11	25	2.110.560.798.342	3.316.797.902.749
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		75.951.636.064	177.986.413.507
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	20.369.914.905	13.247.628.481
7. Chi phí tài chính	22	27	(24.240.531.820)	121.637.750.556
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		71.610.243.240	75.034.239.134
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		110.673.794	-
9. Chi phí bán hàng	25	28	19.223.456.273	27.139.673.137
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	29.164.690.356	12.534.413.614
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		72.284.609.954	29.922.204.681
12. Thu nhập khác	31		755.256.331	2.091.393.540
13. Chi phí khác	32		240.971.137	3.327.140.988
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		514.285.194	(1.235.747.448)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		72.798.895.148	28.686.457.233
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	13.467.660.553	6.147.857.105
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		<u>59.331.234.595</u>	<u>22.538.600.128</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		59.305.278.794	22.538.600.128
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		25.955.801	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31		325


Nguyễn Thị Thùy
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởngNguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 01 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		72.798.895.148	28.686.457.233
6. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		22.520.198.667	13.473.169.815
- Các khoản dự phòng	03		(87.399.975.864)	41.937.229.813
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(94.288.263)	1.530.678
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.942.083.582)	(2.720.874.299)
- Chi phí lãi vay	06		71.610.243.240	75.034.239.134
12 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		66.492.989.346	156.411.752.374
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.116.732.991)	(119.710.075.327)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		62.948.888.948	(26.740.051.517)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		154.657.755.852	(151.277.233.504)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.415.062.094	21.004.778.001
- Tiền lãi vay đã trả	14		(71.885.201.198)	(74.320.252.430)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.000.000.000)	(6.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		207.512.762.051	(201.431.082.403)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(15.159.242.909)	(13.863.346.981)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	18.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(729.741.115)	(12.043.540.785)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.773.281.900	7.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		67.224.400.000	109.511.700.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.876.327.147	5.845.254.315
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		70.985.025.023	114.450.066.549

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		2.000.000.000	(248.000.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33		260.936.703.010	2.257.545.973.950
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(581.385.285.441)	(2.347.566.094.242)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(318.448.582.431)</i>	<i>(90.268.120.292)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(39.950.795.357)	(177.249.136.146)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		64.283.124.830	241.533.791.654
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.942.418	(1.530.678)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	<u>24.337.271.891</u>	<u>64.283.124.830</u>



Nguyễn Thị Thùy
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007 đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 05 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 693.299.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 693.299.280.000 đồng; tương đương 69.329.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón DAP và các sản phẩm hóa chất phục vụ cho sản xuất phân bón trong nước. Đồng thời, Công ty cung cấp các dịch vụ về kho bãi ngoại quan và các dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

Cấu trúc Tập đoàn

Tổng số công ty con:

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 01 Công ty

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2018 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cát	Hải Phòng	99,00%	99,00%	Sản xuất phân bón

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	Hà Nội	36,29%	36,29%	Thương mại hóa chất sản xuất phân bón

2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó..

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có Giấy chứng nhận đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.333.991.662	1.567.425.018
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.003.280.229	61.846.093.746
Các khoản tương đương tiền	-	869.606.066
	<u><u>24.337.271.891</u></u>	<u><u>64.283.124.830</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	11.968.540.785	11.968.540.785
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	11.968.540.785	11.968.540.785
Đầu tư dài hạn	-	-	10.075.000.000	10.075.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	10.075.000.000	10.075.000.000
	10.000.000.000	10.000.000.000	22.043.540.785	22.043.540.785

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị xác định lại theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	105.881.626.363	107.373.624.546	-	85.511.700.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	105.881.626.363	107.373.624.546	-	85.511.700.000
Đầu tư vào đơn vị khác	234.503.969.597	222.691.013.257	(11.812.956.340)	178.980.609.150
Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD	1.000.000.000	608.885.557	(391.114.443)	-
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	233.503.969.597	222.082.127.700	(11.421.841.897)	178.980.609.150
	340.385.595.960	330.064.637.803	(11.812.956.340)	264.492.309.150
				(20.369.926.363)
				(20.369.926.363)
				(116.108.685.495)
				(116.108.685.495)
				(136.478.611.858)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	-	76.851.608.178
Công ty TNHH TM XNK Nhật Thụy	96.304.016.189	133.706.404.968
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Bình Phú	141.040.914.588	138.554.914.588
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	183.984.157.749	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	192.700.798.791	-
Công ty SW Intertrade Trading	51.950.867.729	38.863.257.765
Các khoản phải thu khách hàng khác	66.734.911.329	84.023.708.364
	732.715.666.375	471.999.893.863
Phải thu khách hàng là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.)</i>	11.690.565.341	76.851.608.178

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Phát triển Phân bón Đình Vũ	59.765.883.691	-	65.639.579.262	-
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	-	-	67.554.603.133	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dịch vụ Việt Đức	13.261.000.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Việt Bắc	-	-	69.298.096.000	-
Trả trước khác	39.300.334.601	-	146.130.348.038	-
	112.327.218.292	-	348.622.626.433	-

9 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	437.299.058	-	1.010.617.575	-
Tạm ứng	443.242.534	-	8.010.083.703	-
Ký cược, ký quỹ	17.562.088.000	-	21.951.069.422	-
Cho mượn	-	-	2.000.000.000	-
Lãi ứng trước tiền hàng Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	-	-	6.290.512.970	-
Phải thu khác	232.976.646	-	203.915.697	-
	18.675.606.238	-	39.466.199.367	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

10 . NỢ XẤU

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<i>Công ty Cổ phần DAP2-Vinachem</i>	24.979.252.490	12.489.626.245	-	-
<i>Công ty Cổ phần Hóa chất Phúc Lâm</i>	4.540.241.712	2.270.120.856	-	-
<i>Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Thuận Đạt</i>	-	-	3.466.214.350	-
<i>Đối tượng khác</i>	4.270.686.455	2.134.680.266	-	-
	33.790.180.657	16.894.427.367	3.466.214.350	-

11 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	19.705.961.678	-	34.891.747.763	-
Công cụ, dụng cụ	140.348.678	-	423.254.640	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.143.272.198	-	7.032.452.359	-
Thành phẩm	30.863.582.167	-	32.863.570.963	-
Hàng hoá	24.384.503.982	-	68.975.531.926	-
	81.237.668.703	-	144.186.557.651	-

12 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	2.993.965.222	3.100.993.159
Dự án Nhà máy sản xuất NPK Thủy Nguyên	868.862.182	891.423.636
Dự án Kho Ngoại quan Đình Vũ	2.125.103.040	2.209.569.523
Mua sắm tài sản cố định	-	40.000.000
	2.993.965.222	3.140.993.159

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Tại ngày 01/01/2018	195.519.522.466	67.497.173.579	26.349.950.936	3.216.798.638	-	-	-	-	-	-	292.583.445.619	
Mua sắm	-	150.980.000	594.244.545	776.289.000	-	-	-	-	-	-	1.521.513.545	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	9.479.138.567	1.641.959.312	-	-	-	-	-	-	-	-	11.121.097.879	
Tại ngày 31/12/2018	204.998.661.033	69.290.112.891	26.944.195.481	3.993.087.638	-	-	-	-	-	-	305.226.057.043	
Giá trị hao mòn lũy kế												
Tại ngày 01/01/2018	15.417.611.380	5.375.328.941	5.603.968.855	999.696.875	-	-	-	-	-	-	27.396.606.051	
Trích khấu hao	15.540.282.138	3.783.150.921	2.685.311.250	461.926.530	-	-	-	-	-	-	22.470.670.839	
Tại ngày 31/12/2018	30.957.893.518	9.158.479.862	8.289.280.105	1.461.623.405	-	-	-	-	-	-	49.867.276.890	
Giá trị còn lại												
Tại ngày 01/01/2018	180.101.911.086	62.121.844.638	20.745.982.081	2.217.101.763	-	-	-	-	-	-	265.186.839.568	
Tại ngày 31/12/2018	174.040.767.515	60.131.633.029	18.654.915.376	2.531.464.233	-	-	-	-	-	-	255.358.780.153	

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất
	VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2018	89.347.927.909
Tại ngày 31/12/2018	89.347.927.909
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2018	-
Trích khấu hao	49.527.828
Tại ngày 31/12/2018	49.527.828
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2018	89.347.927.909
Tại ngày 31/12/2018	89.298.400.081

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	7.770.752.676	7.772.785.980
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	137.175.480	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.287.292.583	390.771.342
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	794.174.262	892.160.113
	10.989.395.001	9.055.717.435
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	280.063.064.273	281.509.679.301
Chi phí thuê đất tại Thủy Nguyên, Hải Phòng	6.621.555.172	6.446.316.690
Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất	8.421.969.494	10.747.393.718
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.700.044.096	2.441.650.356
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.482.920.206	2.265.244.633
Chi phí trả trước dài hạn khác	998.019.827	226.028.030
	299.287.573.068	303.636.312.728

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	3.548.686.357	21.828.280.802	25.307.178.480	-	69.788.679	-	-	-	69.788.679
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	9.144.403.415	8.799.114.074	-	345.289.341	-	-	-	345.289.341
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.008.774.603	-	13.467.660.553	2.000.000.000	-	3.458.885.950	-	-	-	3.458.885.950
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	113.875.781	113.875.781	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	126.044.000	126.044.000	-	-	-	-	-	-
	8.008.774.603	3.548.686.357	44.680.264.551	36.346.212.335	-	3.873.963.970	-	-	-	3.873.963.970

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

16 . PHẢI NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương	159.911.682.567	159.911.682.567	9.701.904.000	9.701.904.000
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dịch vụ Việt Đức	-	-	54.513.596.000	54.513.596.000
Fagro International Trading Fze	12.357.170.476	12.357.170.476	-	-
Các khoản phải trả khác	20.741.894.252	20.741.894.252	35.753.506.633	35.753.506.633
	193.010.747.295	193.010.747.295	99.969.006.633	99.969.006.633

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ông Bùi Tố Minh (Tiền đặt cọc mua cổ phần Vinachimex) ⁽¹⁾	85.511.700.000	85.511.700.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường Eco&More	94.000.000.000	-
Phải thu khác	2.174.720.640	4.183.616.355
	181.686.420.640	89.695.316.355

- (1) Theo hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phần số 03-2017/HĐ-ĐC ngày 14/12/2017 giữa Công ty và cá nhân ông Bùi Tố Minh, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình sẽ chuyển nhượng 2.794.500 cổ phần tại Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất cho cá nhân Ông Bùi Tố Minh sau khi hết thời hạn hạn chế chuyển nhượng. Số tiền nhận đặt cọc là toàn bộ giá trị giao dịch mua bán giữa 2 bên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	430.663.937	705.621.895
	<u><u>430.663.937</u></u>	<u><u>705.621.895</u></u>

20 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	92.295.184	96.246.232
Bảo hiểm xã hội	-	111.440.404
Bảo hiểm y tế	-	19.665.994
Bảo hiểm thất nghiệp	-	8.740.420
Phải trả theo hợp đồng ủy thác xuất nhập khẩu	-	27.455.920.251
Các khoản phải trả, phải nộp khác	30.027.800	-
	<u><u>122.322.984</u></u>	<u><u>27.692.013.301</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn</i>						
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức ⁽¹⁾	636.479.544.793	636.479.544.793	189.261.183.396	465.777.738.639	359.962.989.550	359.962.989.550
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽²⁾	395.600.000.000	395.600.000.000	-	209.800.000.000	185.800.000.000	185.800.000.000
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng	120.000.000.000	120.000.000.000	-	-	120.000.000.000	120.000.000.000
- Ngân hàng Hong Leong Việt Nam	-	-	3.761.750.698	3.761.750.698	-	-
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	37.014.001.520	37.014.001.520	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hải Phòng	45.172.883.793	45.172.883.793	3.972.989	45.176.856.782	-	-
- Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - CN Hải Phòng ⁽³⁾	42.900.000.000	42.900.000.000	140.303.938.601	133.703.938.601	49.500.000.000	49.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Tpbank - Chi nhánh Hải Phòng	2.806.661.000	2.806.661.000	523.334.328	3.329.995.328	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (Vpbank) - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	5.750.000.000	2.783.600.000	2.966.400.000	2.966.400.000
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn ⁽⁵⁾	-	-	1.904.185.260	207.595.710	1.696.589.550	1.696.589.550

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	34.254.640.000	34.254.640.000	24.401.040.000	34.254.640.000	24.401.040.000	24.401.040.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng	374.640.000	374.640.000	374.640.000	374.640.000	374.640.000	374.640.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	23.880.000.000	23.880.000.000	23.880.000.000	23.880.000.000	23.880.000.000	23.880.000.000
- Công ty CP Quảng Bình Cao Bằng	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	146.400.000	-	146.400.000	146.400.000
	670.734.184.793	670.734.184.793	213.662.223.396	500.032.378.639	384.364.029.550	384.364.029.550

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
Vay dài hạn						
- Công ty Cổ phần XNK Đức Nguyễn ⁽⁶⁾	140.000.000.000	140.000.000.000	28.190.000.000	-	140.000.000.000	140.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng ⁽⁷⁾	749.280.000	749.280.000	-	374.640.000	374.640.000	374.640.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng ⁽⁸⁾	197.180.000.000	197.180.000.000	-	23.880.000.000	173.300.000.000	173.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Việt Nam - CN Hải Phòng	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng ⁽⁹⁾	-	-	440.000.000	109.800.000	330.200.000	330.200.000
- Công ty CP Quảng Bình Cao Bằng	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-	-
	357.929.280.000	357.929.280.000	28.630.000.000	72.554.440.000	314.004.840.000	314.004.840.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	34.254.640.000	34.254.640.000	24.401.040.000	34.254.640.000	24.401.040.000	24.401.040.000
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	323.674.640.000	323.674.640.000	4.228.960.000	38.299.800.000	289.603.800.000	289.603.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

STT	Ngân hàng/Hợp đồng vay	Hạn mức	Mục đích vay	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Dư nợ tại 31/12/2018	Phương thức đảm bảo tiền vay
1 .	Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức - Hợp đồng tín dụng số 1483-LAV-201700011 ngày 06/01/2017	400.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh	Hợp đồng có hiệu lực đến hết 31/12/2017	Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng lần nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong suốt thời gian vay	185.800.000.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
2 .	Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng - Hợp đồng tín dụng số 2111-LAV201700161/HBTD ngày 18/04/2017	120.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh	Hợp đồng có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký	Lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ và được điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ	120.000.000.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

STT	Ngân hàng/Hợp đồng vay	Hạn mức	Mục đích vay	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Dư nợ tại 31/12/2018	Phương thức đảm bảo tiền vay
3	Ngân hàng TMCP Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - CN Hải Phòng - Hợp đồng tín dụng số 360201897 ngày 03/04/2018	70.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, sản xuất các sản phẩm phân bón, hóa chất phân bón	Hợp đồng có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày hiệu lực hợp đồng	Lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong suốt thời gian vay;	49.500.000.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
4	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (Vpbank) - Chi nhánh Hải Phòng - Hợp đồng tín dụng 170318-895871-01-SME ngày 21/03/2018	3.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, sản xuất các sản phẩm phân bón, hóa chất phân bón	Hợp đồng có hiệu lực 12 tháng kể từ thời điểm 21/03/2018	Lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong suốt thời gian vay;	2.966.400.000	Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp
5	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn - Khoản vay bằng hóa đơn của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cát Long. Loại hàng vay là Lưu huỳnh trắng với khối lượng vay là 500 tấn, khối lượng còn lại chưa trả tại 31/12/2018 là 445,49 tấn	1.904.185.260	Giao hàng hóa theo hợp đồng mua bán của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cát Long	Thời hạn vay trong vòng 1,5 tháng kể từ ngày nhận hàng	Lãi suất cố định là 8,5%/năm. Tiền lãi được xác định dựa trên khối lượng vay và thời gian vay	1.696.589.550	Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức tín chấp
						359.962.989.550	

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBảo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

STT	Ngân hàng/Hợp đồng vay	Hạn mức	Mục đích vay	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Dư nợ tại ngày 31/12/2018	Phương thức đảm bảo tiền vay
6	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn - Hợp đồng tín dụng số 140.000.000.000 06/2015/HEVVV/ĐN-QBF ngày 03/06/2015; Phụ lục hợp đồng số 02/06/2015/HEVVV/ĐN-QBF ngày 02/01/2018; Phụ lục hợp đồng số 03/11/2014/HEVVV/ĐN-QBF ngày 03/01/2018. 	140.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, sản xuất các sản phẩm phân bón, hóa chất phân bón	Thời hạn 03 năm kể từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2020	Lãi suất vay cố định 9%/năm	140.000.000.000	Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp
7	<ul style="list-style-type: none"> • Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng - Hợp đồng tín dụng số 1.873.200.000 502.14.251.831595.TD ngày 19/12/2014 	1.873.200.000	Bổ sung vốn mua xe BMW 528i	Thời gian vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất vay được điều chỉnh theo chính sách của Ngân hàng trong từng thời kỳ	374.640.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
8	<ul style="list-style-type: none"> • Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng - Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HETTDA/NHCT160-QBS-ICD ngày 18/01/2015 	231.495.000.000	Thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Trung tâm kho bãi tổng hợp Quảng Bình - Định Vũ	Thời gian vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất cho vay của khoản nợ được quy định theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 03 tháng/lần;	173.300.000.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

<u>STT</u>	<u>Ngân hàng/Hợp đồng vay</u>	<u>Hạn mức</u>	<u>Mục đích vay</u>	<u>Thời hạn vay</u>	<u>Lãi suất vay</u>	<u>Dư nợ tại ngày 31/12/2018</u>	<u>Phương thức đảm bảo tiền vay</u>
9	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng - Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng	440.000.000	Thanh toán tiền mua xe ô tô Vios G	Thời gian vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất tại thời điểm vay là 6,99% áp dụng trong 6 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên và được điều chỉnh thả nổi theo chính sách của Ngân hàng từng thời kỳ	330.200.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay
						<u>314.004.840.000</u>	
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng						24.401.040.000	
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng						<u>289.603.800.000</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

MÃ SỐ B 09-DN

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2017												
Tại ngày 01/01/2017	693.299.280.000	(3.001.100.000)	7.727.786.496	89.875.142.342	-	-	-	-	-	-	787.901.108.838	
Lãi trong năm trước	-	-	-	22.538.600.128	-	-	-	-	-	-	22.538.600.128	
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.034.134.904	(3.119.006.853)	-	-	-	-	-	-	(1.084.871.949)	
Giảm khác	-	(248.000.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	(248.000.000)	
Tại ngày 31/12/2017	693.299.280.000	(3.249.100.000)	9.761.921.400	109.294.735.617	-	-	-	-	-	-	809.106.837.017	
Năm 2018												
Tại ngày 01/01/2018	693.299.280.000	(3.249.100.000)	9.761.921.400	109.294.735.617	-	-	-	-	-	-	809.106.837.017	
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000	
Lãi trong năm nay	-	-	-	59.305.278.794	-	-	-	-	25.955.801	-	59.331.234.595	
Lợi nhuận từ liên doanh liên kết	-	-	-	1.381.324.389	-	-	-	-	-	-	1.381.324.389	
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	-	-	-	16.295.941.090	-	-	-	-	-	-	16.295.941.090	
Tại ngày 31/12/2018	693.299.280.000	(3.249.100.000)	9.761.921.400	186.277.279.890	-	-	-	-	2.025.955.801	-	888.115.337.091	

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2018		01/01/2018		Tỷ lệ (%)
	VND	VND	VND	VND	
Ông Nguyễn Thanh Bình	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	7,21%
Bà Nguyễn Thị Hương	92.005.790.000	92.005.790.000	92.005.790.000	92.005.790.000	13,27%
Các cổ đông khác	551.293.490.000	551.293.490.000	551.293.490.000	551.293.490.000	79,52%
	693.299.280.000	693.299.280.000	693.299.280.000	693.299.280.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	99.180.959.868	98.453.005.357
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.936.751.375.484	3.170.316.332.138
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	74.628.462.990	48.028.565.254
	<u>2.110.560.798.342</u>	<u>3.316.797.902.749</u>

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.823.887.380	4.085.204.468
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	943.796.991	6.545.627.620
Lãi bán các khoản đầu tư	5.639.074.952	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.479.121.250	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.389.746.069	2.616.796.393
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	94.288.263	-
	<u>20.369.914.905</u>	<u>13.247.628.481</u>

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	71.610.243.240	75.034.239.134
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	2.530.914.475	1.066.491.058
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.913.391.451	3.552.905.224
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	46.885.327
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và t	(104.295.729.155)	41.937.229.813
Chi phí tài chính khác	648.169	-
	<u>(24.240.531.820)</u>	<u>121.637.750.556</u>

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	224.756.749	81.794.044
Chi phí nhân công	198.860.383	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	281.119.372	430.294.150
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.964.738.131	26.390.191.225
Chi phí khác bằng tiền	553.981.638	237.393.718
	<u>19.223.456.273</u>	<u>27.139.673.137</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	226.577.730	706.774.619
Chi phí nhân công	4.877.871.165	4.217.319.200
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.168.129.305	1.364.160.593
Thuế, phí, lệ phí	173.651.091	12.188.480
Chi phí dự phòng	16.895.753.291	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.025.978.914	4.069.603.038
Chi phí khác bằng tiền	796.728.860	2.164.367.684
	29.164.690.356	12.534.413.614

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	72.798.895.148	28.686.457.233
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	72.798.895.148	28.686.457.233
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.467.660.553	6.147.857.105

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	59.331.234.595	22.538.600.128
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	59.331.234.595	22.538.600.128
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	69.329.928	69.329.928
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	856	325

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	75.861.596.509	93.516.288.972
Chi phí nhân công	8.064.367.968	7.642.069.401
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.470.670.839	13.473.169.815
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.618.154.202	29.039.607.680
Chi phí khác bằng tiền	1.764.182.192	4.004.554.232
	143.778.971.710	147.675.690.100

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.337.271.891	-	64.283.124.830	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	751.391.272.613	(15.268.971.971)	511.466.093.230	-
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	-	11.968.540.785	-
Đầu tư dài hạn	234.503.969.597	(11.812.956.340)	305.164.294.645	(116.108.685.495)
	1.020.232.514.101	(27.081.928.311)	892.882.053.490	(116.108.685.495)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	673.967.829.550	994.408.824.793
Phải trả người bán, phải trả khác	193.133.070.279	127.661.019.934
Chi phí phải trả	430.663.937	705.621.895
	867.531.563.766	1.122.775.466.622

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.337.271.891	-	-	24.337.271.891
Phải thu khách hàng, phải thu khác	736.122.300.642	-	-	736.122.300.642
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	222.691.013.257	-	222.691.013.257
	770.459.572.533	222.691.013.257	-	993.150.585.790
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.283.124.830	-	-	64.283.124.830
Phải thu khách hàng, phải thu khác	511.466.093.230	-	-	511.466.093.230
Đầu tư ngắn hạn	11.968.540.785	-	-	11.968.540.785
Đầu tư dài hạn	-	189.055.609.150	-	189.055.609.150
	587.717.758.845	189.055.609.150	-	776.773.367.995

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	384.364.029.550	259.583.800.000	30.020.000.000	673.967.829.550
Phải trả người bán, phải trả khác	193.133.070.279	-	-	193.133.070.279
Chi phí phải trả	430.663.937	-	-	430.663.937
	<u>577.927.763.766</u>	<u>259.583.800.000</u>	<u>30.020.000.000</u>	<u>867.531.563.766</u>
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	670.734.184.793	269.774.640.000	53.900.000.000	994.408.824.793
Phải trả người bán, phải trả khác	127.661.019.934	-	-	127.661.019.934
Chi phí phải trả	705.621.895	-	-	705.621.895
	<u>799.100.826.622</u>	<u>269.774.640.000</u>	<u>53.900.000.000</u>	<u>1.122.775.466.622</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón và hóa chất phục vụ sản xuất phân bón, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả kinh doanh và tổng tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 36.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	(*)	121.952.060.151	166.785.761.497
Công ty Cổ phần Vật tư Xuất nhập khẩu Hóa chất	Công ty liên kết	34.500.081	3.032.147.984
Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD	(**)	7.803.204.000	-
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	(*)	4.552.800.000	4.047.905.000
Công ty Cổ phần Vật tư Xuất nhập khẩu Hóa chất	Công ty liên kết	-	82.120.978.277
Cổ tức, lợi nhuận nhận được			
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	(*)	5.479.121.250	-

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	(*)	2.500.000.000	76.851.608.178
Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD	(**)	9.190.565.341	-
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần Vật tư Xuất nhập khẩu Hóa chất	Công ty liên kết	1.342.679.677	8.135.795.897

(*) Bà Nguyễn Thanh Hương - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần DAP-VINACHEM.

(**) Bà Nguyễn Thanh Hương - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	293.103.252	772.222.713

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, do trong năm 2018 Công ty mới mua công ty con và lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định. Số liệu này đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Nguyễn Thị Thùy
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 01 năm 2019